

Bản án số: 69/2024/KDTM-ST

Ngày: 13-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HCM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lại Phước Trường

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền;

2. Ông Võ Hoàng Thu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thành, thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố HCM.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố HCM tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 và các ngày 06, 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố HCM xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2019/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2024/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 292/2024/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 86/2024/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA (DA Bank).

Trụ sở chính: Số X PDL, Phường Y, quận PN, Thành phố HCM.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Phan Thị Mỹ P, sinh năm: 1971

Địa chỉ liên lạc: số TP, Phường M, Quận N, Tp HCM (theo quyết định ủy quyền số X/QĐ-DAB-PC ngày 10 tháng 5 năm 2024) (có mặt).

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn TPV

Địa chỉ trụ sở chính: K Ấp D, xã BC, huyện BC, Thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn V, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: thôn ĐH, phường CK, Thị xã TS, tỉnh BN (Văng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2019, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA (viết tắt là Ngân hàng) do bà Phan Thị Mỹ P là người đại diện hợp pháp trình bày: Ngân hàng TMCP ĐA và Công ty TNHH TPV có ký các hợp đồng vay vốn cụ thể như sau:

- Ngày 24/11/2011 Ngân hàng TMCP ĐA và Công ty TNHH TPV (viết tắt là Công TPV) có ký hợp đồng vay vốn số H./1 ngày 24/11/2011, số tiền vay là: 21.265.000.000đ (Hai mươi một tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng), mục đích vay: thanh toán tiền hàng nhập khẩu, lãi suất trong hạn: 22.6% /năm. Lãi suất này là lãi suất có điều chỉnh được quy định tại Điều 8 của hợp đồng vay vốn, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày 24/11/2011 đến ngày 24/5/2012. Thanh toán lãi vay vào ngày 24 hàng tháng, thanh toán nợ gốc khi hết thời hạn cho vay.

Để đảm bảo cho khoản vay này Công TPV đã thế chấp tài sản bảo đảm là: Lô hàng 1.948.636 kg thép cuộn tròn tròn phi 5.5mm nhập khẩu theo LC số 08LC011127 ngày 11/10/2011 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 139-11/TC ngày 24/11/2011.

- Ngày 13/02/2012 Ngân hàng và Công TPV có ký hợp đồng vay vốn số H.13/1 ngày 13/02/2012, số tiền vay là: 9.156.000.000đ (Chín tỷ một trăm năm mươi sáu triệu đồng) , mục đích vay: thanh toán tiền mua hàng, lãi suất trong hạn: 21.8% /năm. Lãi suất này là lãi suất có điều chỉnh được quy định tại Điều 8 của hợp đồng vay vốn, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày 13/02/2012 đến ngày 13/8/2012. Thanh toán lãi vay vào ngày 13 hàng tháng, thanh toán nợ gốc khi hết thời hạn cho vay.

Để đảm bảo cho khoản vay này Công TPV đã thế chấp tài sản bảo đảm là: Lô hàng 800.000 kg thép cuộn tròn tròn phi 6.5mm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 26-12/HĐTC ngày 13/02/2012.

Ngày 15/5/2012 Ngân hàng ĐA và Công TPV có ký hợp đồng tín dụng số: H 0800/NT ngày 15/5/2012, Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng tối đa cho

Công TPV là: 55.000.000.000đ (Năm mươi lăm tỷ đồng), mục đích là bổ sung vốn lưu động, tài trợ nhập khẩu. Thời hạn của hạn mức tín dụng là 03 tháng từ ngày 15/5/2012 đến ngày 15/8/2012. Mỗi lần giải ngân hai bên sẽ ký hợp đồng vay vốn. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ Công TPV đã đồng ý thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba đó là: thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 47 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM thuộc sở hữu của ông Đỗ Hùng C.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số: H 0800/NT ngày 15/5/2012 và hợp đồng thế chấp số 55/HĐTC ngày 15/05/2012 thì vào ngày 18/5/2012 Ngân hàng và Công TPV đã ký 02 (hai) phụ lục hợp đồng vay vốn theo đó sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 của hợp đồng vay vốn số H03/1 ngày 24/11/2011 và hợp đồng vay vốn số H13/1 ngày 13/02/2012 về biện pháp bảo đảm nợ vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 47 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 45/2 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM.

- Vào ngày 22/5/2012 Ngân hàng và Công TPV ký hợp đồng vay vốn số H.14/1 ngày 22/5/2012, Ngân hàng cho Công TPV vay số tiền vay là: 28.000.000.000đ (Hai mươi tám tỷ đồng), mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, lãi suất trong hạn: 18% /năm. Lãi suất này là lãi suất có điều chỉnh được quy định tại Điều 8 của hợp đồng vay vốn, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay: 03 tháng kể từ ngày 22/5/2012 đến ngày 22/8/2012. Thanh toán lãi vay vào ngày 22 hàng tháng, thanh toán nợ gốc khi hết thời hạn cho vay.

Để đảm bảo cho khoản vay này ông Đỗ Hùng C do ông Đỗ Trọng T là người đại diện đã thế chấp tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 47 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 45/2 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Đỗ Hùng C theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 55/HĐTC ngày 15/5/2012

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Công TPV đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vốn và tiền lãi cụ thể như sau:

- Hợp đồng vay vốn số H./1 ngày 24/11/2011 Công TPV mới chỉ thanh toán được tiền vốn là: 6.811.000.000 đồng, tiền lãi là: 1.227.736.838 đồng. Tính đến ngày 13/8/2024 thì Công TPV còn nợ tiền vốn là: 14.454.000.000 đồng, lãi

trong hạn là: 865.735.692 đồng, lãi quá hạn là: 61.006.064.275 đồng. Tổng cộng là: 76.325.799.965 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số H.13/1 ngày 13/02/2012 Công TPV mới chỉ thanh toán được tiền vốn là: 361.000.000 đồng. Tính đến ngày 13/8/2024 thì Công TPV còn nợ tiền vốn là: 8.795.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 925.396.750 đồng, lãi quá hạn là: 13.920.286.250 đồng. Tổng cộng là: 23.640.683.000 đồng

- Hợp đồng vay vốn số H.14/1 ngày 22/5/2012 Công TPV mới chỉ thanh toán được tiền vốn là: 18.727.360.447 đồng. Tính đến ngày 13/8/2024 thì Công TPV còn nợ tiền vốn là: 9.272.639.553 đồng, lãi trong hạn là: 1.155.777.778 đồng, lãi quá hạn là: 19.412.546.613 đồng. Tổng cộng là: 29.840.963.944 đồng.

Về các tài sản bảo đảm: Lô hàng 1.948.636 kg thép cuộn tròn trơn phi 5.5mm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 139-11/TC ngày 24/11/2011 thì ngày 12/01/2012 Công TPV gửi công văn đề nghị Ngân hàng cho phép giải chấp lô hàng và dùng tiền bán được từ lô hàng để trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, sau khi bán được hàng thì Công TPV đã không thanh toán nợ cho Ngân hàng như đã cam kết.

Lô hàng 800.000 kg thép cuộn tròn trơn phi 6.5mm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 26-12/HĐTC ngày 13/02/2012. Theo biên bản thỏa thuận 3 bên giữa bên bán, bên mua và Ngân hàng thì sau khi Ngân hàng giải ngân trực tiếp cho bên bán, bên bán bàn giao hàng và chứng từ trực tiếp cho bên mua. Tuy nhiên bên mua (Công TPV) sau khi nhận được hàng đã xuất bán và không thanh toán nợ cho Ngân hàng như cam kết.

Đối với hai tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 47 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 45/2 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Đỗ Hùng C theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 55/HĐTC ngày 15/5/2012 đồng thời 02 tài sản nêu trên cũng đảm bảo cho hợp đồng vay số H03/1 và H13/1 (tại phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 18/5/2012 điều chỉnh biện pháp bảo đảm nợ vay từ hàng hóa sang bất động sản là 02 tài sản nêu trên). Hai bất động sản này do Công TPV vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã xử lý hai tài sản nêu trên để thu hồi nợ.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công TPV trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu (gồm vốn và lãi) của cả ba hợp đồng vay vốn nêu trên tạm tính đến ngày 13/08/2024 là 129.807.446.909 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai

mười chín tỷ tám trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm lẻ chín đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/08/2024 đến ngày Công ty TNHH TPV thực trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng vay số H03/1, H13/1, H1264/1. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu Công ty TNHH TPV không trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty TNHH TPV để thu hồi nợ.

** Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn TPV do ông Trần Văn V là người đại diện theo pháp luật vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.*

Phản phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các hợp đồng vay vốn số H03/1 ngày 24/11/2011, H13/1 ngày 13/02/2012, H1264/1 ngày 15/5/2012 và các bảng hoạt động khế ước cho vay tín dụng có cơ sở xác định Công ty TPV có vay của Ngân hàng ĐA tổng số tiền nợ gốc của ba hợp đồng nêu trên là: 58.421.000.000 đồng. Căn cứ vào thông báo giải chấp gửi Phòng công chứng số 2 Thành phố HCM và biên bản giao nhận chứng từ chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản bảo đảm cho bên thứ ba ngày 19/5/2014 có cơ sở xác định tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty TPV đã được xử lý xong hết. Tổng số tiền vốn gốc mà Công ty TPV đã trả cho Ngân hàng là: 25.899.360.477 đồng. Số tiền nợ gốc mà Công ty TPV có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng là: 32.521.639.553 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TPV đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ vào bảng tính lãi có cơ sở xác định tính đến ngày 13/8/2014 Công ty TPV còn nợ Ngân hàng số tiền là: 129.807.449.909 đồng, trong đó vốn gốc là: 32.521.639.553 đồng, lãi trong hạn: 2.946.910.218 đồng, lãi quá hạn là: 94.338.897.138 đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn số H03/1 ngày 24/11/2011 còn nợ tiền vốn là: 14.454.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 865.735.692 đồng, lãi quá hạn là: 61.006.064.275 đồng. Tổng cộng là: 76.325.799.965 đồng

- Hợp đồng vay vốn số H13/1 ngày 13/02/2012 còn nợ tiền vốn là: 8.795.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 925.396.750 đồng, lãi quá hạn là: 13.920.286.250 đồng. Tổng cộng là: 23.640.683.000 đồng

- Hợp đồng vay vốn số H1264/1 ngày 22/5/2012 còn nợ tiền vốn là: 9.272.639.553 đồng, lãi trong hạn là: 1.155.777.778 đồng, lãi quá hạn là: 19.412.546.613 đồng. Tổng cộng là: 29.840.963.944 đồng.

Bị đơn vắng mặt không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn TPV phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vốn vay và tiền lãi tại các hợp đồng vay vốn số H03/1 ngày 24/11/2011, H13/1 ngày 13/02/2012, H1264/1 ngày 15/5/2012. Mục đích vay tiền là thanh toán tiền hàng và bổ sung vốn kinh doanh. Như vậy, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Bị đơn Công TPV có trụ sở tại C3/11, ấp 3, xã BC, huyện BC. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố HCM.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 15/4/2011) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố HCM cung cấp thì Công ty TNHH TPV có địa chỉ trụ sở chính tại: C3/11, ấp 3, xã BC, huyện BC. Người đại diện theo pháp luật là ông Trần Văn V, chỗ ở hiện tại là: 11B HHN, phường LTM, Quận S (nay là Thành phố TĐ), TP. HCM.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã BC thì tại địa chỉ: C3/11, ấp 3, xã BC, huyện BC không có Công ty TNHH TPV hoạt động. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường LTM, Thành phố TĐ thì tại phường LTM, Thành phố TĐ không có địa chỉ: 11B HHN, phường LTM,

Thành phố TP và không có đương sự Trần Văn V cư trú tại địa chỉ trên. Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Tuy nhiên, ngân hàng có văn bản trả lời không thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông đại chúng đối với bị đơn mà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn và Người đại diện theo pháp luật của bị đơn tại địa chỉ: C3/11, ấp 3, xã BC, huyện BC, Thành phố HCM.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét các hợp đồng vay vốn số H03/1 ngày 24/11/2011, H13/1 ngày 13/02/2012, H1264/1 ngày 15/5/2012.

Căn cứ hợp đồng vay vốn số H03/1 ngày 24/11/2011, bảng hoạt động khế ước cho vay tín dụng từ ngày 24/11/2011 đến ngày 16/7/2024 có cơ sở xác định Ngân hàng ĐA đã cho Công ty TPV vay số tiền là 21.265.000.000 đồng và Công ty TPV đã nhận đủ số tiền vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty TPV mới chỉ thanh toán được số tiền vốn vay là: 6.811.000.000 đồng và tiền lãi là: 1.227.736.838 đồng. Căn cứ vào bảng chi tiết tính lãi của Ngân hàng có cơ sở xác định tính đến ngày 13/8/2024 thì Công TPV còn nợ tiền vốn là: 14.454.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 865.735.692 đồng, lãi quá hạn là: 61.006.064.275 đồng. Tổng cộng là: 76.325.799.965 đồng.

Căn cứ hợp đồng vay vốn số H13/1 ngày 13/02/2012, bảng hoạt động khế ước cho vay tín dụng từ ngày 13/02/2012 đến ngày 16/7/2024 có cơ sở xác định Ngân hàng ĐA đã cho Công ty TPV vay số tiền là 9.156.000.000 đồng và Công ty TPV đã nhận đủ số tiền vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty TPV mới chỉ thanh toán được số tiền vốn vay là: 361.000.000 đồng và chưa thanh toán được khoản lãi vay nào. Căn cứ vào bảng chi tiết tính lãi của Ngân hàng có cơ sở xác định tính đến ngày 13/8/2024 thì Công TPV còn nợ tiền vốn là: 8.795.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 925.396.750 đồng, lãi quá hạn là: 13.920.286.250 đồng. Tổng cộng là: 23.640.683.000 đồng.

Căn cứ hợp đồng vay vốn số H1264/1 ngày 22/5/2012, bảng hoạt động khế ước cho vay tín dụng từ ngày 22/5/2012 đến ngày 16/7/2024 có cơ sở xác định Ngân hàng ĐA đã cho Công ty TPV vay số tiền là 28.000.000.000 đồng và Công ty TPV đã nhận đủ số tiền vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty TPV mới chỉ thanh toán được số tiền vốn vay là: 18.727.360.444 đồng

và chưa thanh toán được khoản lãi vay nào. Căn cứ vào bảng chi tiết tính lãi của Ngân hàng có cơ sở xác định tính đến ngày 13/8/2024 thì Công ty TPV còn nợ tiền vốn là: 9.272.639.553 đồng, lãi trong hạn là: 1.155.777.778 đồng, lãi quá hạn là: 19.412.546.613 đồng. Tổng cộng là: 29.840.963.944 đồng.

Do Công ty TPV đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng ĐA khởi kiện yêu cầu Công ty TPV phải thanh toán toàn bộ số tiền vốn và tiền lãi của 03 (ba) hợp đồng vay vốn nêu trên tính đến ngày 13/8/2024 với tổng số tiền vốn và tiền lãi là: 129.807.446.909đ (Một trăm hai mươi chín tỷ tám trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm lẻ chín đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, buộc Công ty TNHH TPV phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP ĐA toàn bộ số tiền vốn và tiền lãi của 03 (ba) hợp đồng vay vốn nêu trên tính đến ngày 13/8/2024 với tổng số tiền vốn và tiền lãi là: 129.807.446.909đ (Một trăm hai mươi chín tỷ tám trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm lẻ chín đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH TPV còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng vay vốn số H03/1 ngày 24/11/2011, H13/1 ngày 13/02/2012, H1264/1 ngày 15/5/2012 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP ĐA.

[3] Về các tài sản bảo đảm:

- Lô hàng 1.948.636 kg thép cuộn tròn trơn phi 5.5mm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 139-11/TC ngày 24/11/2011. Ngày 18/5/2012 ký phụ lục điều chỉnh tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 47 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 45/2 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM

- Lô hàng 800.000 kg thép cuộn tròn trơn phi 6.5mm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 26-12/HĐTC ngày 13/02/2012. Ngày 18/5/2012 ký phụ lục điều chỉnh tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 47 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 45/2 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 47 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 45/2 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Đỗ Hùng C theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 55/HĐTC ngày 15/5/2012 đồng.

Theo như lời trình bày của bà Phan Thị Mỹ P là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng ĐA thì đối với tài sản bảo đảm là lô hàng 1.948.636 kg thép cuộn tròn trơn phi 5.5mm và lô hàng 800.000 kg thép cuộn tròn trơn phi 6.5mm thì Ngân hàng đã giải chấp và Công ty TPV đã bán nhưng không trả nợ cho Ngân hàng, sau đó đã thay thế tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 47 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: 45/2 NTT, phường TP, Quận P, Thành phố HCM. Ngân hàng cũng đã giải chấp và xử lý hai bất động sản bảo đảm này để Ngân hàng thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các chứng cứ do Ngân hàng cung cấp như thông báo giải chấp gửi Phòng công chứng số 2 Thành phố HCM và biên bản giao nhận chứng từ chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản bảo đảm cho bên thứ ba ngày 19/5/2014 có cơ sở xác định tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty TPV đã được xử lý xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Công ty TPV vắng mặt không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, Công ty TPV phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng ĐA có đề nghị Tòa án tuyên: Nếu Công ty TPV không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty TPV để Ngân hàng thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị này của Ngân hàng không rõ ràng, không xác định được cụ thể tài sản nào thuộc sở hữu của Công ty TPV nên Hội đồng xét xử không xem xét đề nghị này của Ngân hàng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TPV phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng là: 112.000.000 đồng + 0,1% (129.807.446.909 đồng – 4.000.000.000 đồng) =

237.807.446 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA không phải nộp án phí. Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 111.390.796 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0008783, ngày 09/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, Thành Phố HCM.

[5]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào các Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA.

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn TPV trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA tổng số tiền vốn và tiền lãi của ba hợp đồng vay vốn số H03/1 ngày 24/11/2011, H13/1 ngày 13/02/2012, H1264/1 ngày 15/5/2012 tạm tính đến ngày 13/08/2024 với số tiền là: 129.807.446.909 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín tỷ, tám trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm bốn mươi sáu ngàn, chín trăm lẻ chín đồng) cụ thể như sau:

- Hợp đồng vay vốn số H03/1 ngày 24/11/2011 còn nợ tiền vốn là: 14.454.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 865.735.692 đồng, lãi quá hạn là: 61.006.064.275 đồng. Tổng cộng là: 76.325.799.965 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số H13/1 ngày 13/02/2012 còn nợ tiền vốn là: 8.795.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 925.396.750 đồng, lãi quá hạn là: 13.920.286.250 đồng. Tổng cộng là: 23.640.683.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số H1264/1 ngày 22/5/2012 còn nợ tiền vốn là: 9.272.639.553 đồng, lãi trong hạn là: 1.155.777.778 đồng, lãi quá hạn là: 19.412.546.613 đồng. Tổng cộng là: 29.840.963.944 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn TPV còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng vay vốn số H03/1 ngày 24/11/2011, H13/1 ngày 13/02/2012, H1264/1 ngày 15/5/2012 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn TPV, phải nộp án phí là 237.807.446 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu tám trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm bốn mươi sáu đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 111.390.796đ (Một trăm mười một triệu ba trăm chín mươi ngàn bảy trăm chín mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0008783, ngày 09/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, Thành Phố HCM.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.



Lại Phước Trường